



CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN TÁC GIẢ THEO PHÁP LUẬT MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Nguyễn Thị Tuyết Nga*

Trường Đại học Luật, Đại học Huế, Đường Võ Văn Kiệt, tp. Huế, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: **Nguyễn Thị Tuyết Nga** < nga.nguyen@hcmute.edu.vn >

(Ngày nhận bài: 07-12-2022; Ngày chấp nhận đăng: 25-11-2023)

Tóm tắt. Quyền tác giả là một trong ba nhóm quyền sở hữu trí tuệ được pháp luật quốc tế và pháp luật các quốc gia bảo hộ. Có nhiều điểm khác biệt trong việc bảo hộ quyền tác giả giữa hai hệ thống pháp luật civil law và common law trong đó tính chuyển nhượng của quyền tác giả là một trong những điểm nổi bật ảnh hưởng đến việc khai thác quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả. Trong bài viết này, tác giả sẽ phân tích quan niệm về việc chuyển nhượng quyền tác giả theo pháp luật của một số nước tiêu biểu cho hai hệ thống pháp lý trên và quy định của pháp luật Việt Nam.

Từ khóa: quyền tác giả, chuyển nhượng, civil law, common law

ASSIGNMENT OF COPYRIGHT IN THE LAW OF VIETNAM AND SOME COUNTRIES IN THE WORLD

Nguyen Thi Tuyen Nga*

University of Law, Hue University, Vo Van Kiet St., Hue, Vietnam,

*Correspondence to **Nguyen Thi Tuyen Nga** < nga.nguyen@hcmute.edu.vn >

(Received: December 07, 2022; Accepted: November 25, 2023)

Abstract. Copyright is one of three of intellectual property rights protected by international and national law. There are many differences in copyright protection between civil law and common law systems, and copyright transferability is one of them. In this article, the author will analyze the laws of some countries representing the above two legal systems and the provisions of Vietnamese law relating to assignment of copyright.

Keywords: copyright, assignment, civil law, common law

Đặt vấn đề

Quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia. Thông qua việc bảo hộ quyền tác giả bằng pháp luật, tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả sẽ khai thác được lợi ích kinh tế từ thành quả lao động của mình, đồng thời khuyến khích sự phát triển của các hoạt động khoa học, nghệ thuật và văn học của xã hội. Mặc dù các nội dung cơ bản của quyền tác giả đã được thống nhất chung trong các văn bản quốc tế như công ước Berne, hiệp định Trips, công ước WIPO về quyền tác giả... nhưng vẫn có những điểm khác biệt trong cách tiếp cận về bảo hộ quyền tác giả giữa các nước trên thế giới trong đó có vấn đề chuyển nhượng quyền tác giả (chuyển nhượng quyền tác giả được xem là việc chuyển giao quyền sở hữu quyền tác giả của chủ sở hữu quyền này cho các tổ chức, cá nhân khác) [1]. Bài viết này sẽ phân tích quy định của một số nước trên thế giới theo hệ thống civil law (pháp luật dân sự); hệ thống common law (luật chung) và quy định của pháp luật Việt Nam về vấn đề chuyển nhượng quyền tác giả.

1. Quy định về việc chuyển nhượng quyền tác giả của các nước theo hệ thống pháp luật civil law và common law

Trong tiếng Anh có hai thuật ngữ khác nhau để chỉ việc bảo hộ quyền tác giả gắn với hai hệ thống pháp lý lớn trên thế giới là thuật ngữ copyright (bản quyền) và author right (quyền tác giả). Thuật ngữ “copyright” gắn với hệ thống pháp lý common law (bắt đầu tại Anh, các thuộc địa cũ của Anh và các quốc gia của Khối thịnh vượng chung Anh), còn thuật ngữ “author right” bắt nguồn từ hệ thống civil law và chiếm ưu thế ở các quốc gia của lục địa châu Âu và các thuộc địa cũ của họ ở Châu Mỹ Latinh, Châu Phi và Châu Á [2, Tr. 95]. Sự khác biệt của hai thuật ngữ không chỉ đến từ vô ngôn ngữ mà xuất phát từ sự khác biệt về lịch sử hình thành, về cơ sở học thuyết cho việc bảo hộ quyền tác giả.

Thứ nhất, lịch sử ra đời của copyright trong hệ thống common law gắn với sự phát triển của các đặc quyền in ấn được cấp phép từ Hoàng gia Anh cho các Stationary và đến năm 1710 nữ hoàng Anne đã ban hành một đạo luật với việc thừa nhận đặc quyền in ấn sao chép tác phẩm cho chính tác giả với mục đích là khuyến khích sự truyền bá kiến thức, khuyến khích việc sáng tác tác phẩm [3, Tr. 30]. Cơ sở triết học của việc bảo hộ quyền tác giả trong hệ thống common law là học thuyết lao động (John Locke) và chủ nghĩa thực dụng (Jeremy Benham và

John Stuart Mill). Theo đó lao động là nguồn gốc tạo ra tài sản và các tác phẩm văn học nghệ thuật là thành quả lao động của trí óc nên được xem là tài sản. Cũng giống như các loại tài sản hữu hình khác, các tài sản trí tuệ cũng cần có pháp luật bảo vệ để tránh bị xâm chiếm. Bên cạnh đó, khi có chế độ bản quyền hợp lý sẽ khuyến khích tác giả sáng tạo nhiều tác phẩm hơn đồng nghĩa với việc công chúng có nhiều cơ hội tiếp cận tác phẩm. Nhờ vậy, sẽ thúc đẩy việc tạo ra nhiều tác phẩm sáng tạo nhất cho xã hội từ đó thúc đẩy sự phát triển của văn học, nghệ thuật và khoa học.

Thứ hai, thuật ngữ quyền tác giả (author right) được dịch trực tiếp từ thuật ngữ “*droit d’auteur*” của tiếng Pháp gắn với việc nước Pháp chính thức ban hành luật quyền tác giả vào năm 1791 và 1793, trong đó Luật không chỉ bảo hộ lợi ích kinh tế của chủ nhà in, mà còn dành cho tác giả một sự độc quyền trong sao chép và trình diễn đối với tác phẩm của họ. Tiên đề triết học của hệ thống Civil law là thuyết quyền tự nhiên (Nature right) với việc áp dụng các học thuyết của các nhà triết học Heghen, Kant và sau này là Edward Young (1683-1765) và Denis Diderot (1713-1784) [4]. Theo đó, quyền tác giả không phải là quyền tài sản mà gắn liền tính cách; các tác phẩm văn học nghệ thuật là một phần tính cách của người tạo ra và lẽ công bằng các tác giả phải được quyền bảo vệ chúng.

Như vậy, điểm khác biệt cơ bản trong việc bảo hộ quyền tác giả của hai hệ thống pháp luật trên nằm ở bản chất của việc bảo hộ. Ở các quốc gia theo truyền thống civil law thì tầm quan trọng của việc bảo hộ quyền tác giả được đặt vào tính cách của tác giả, các quốc gia này tìm cách bảo vệ tác giả; còn các quốc gia common law hướng tới lợi ích của cộng đồng; thay vì tác giả, chính tác phẩm mới là trung tâm của việc bảo hộ nhằm phục vụ lợi ích cộng đồng [5].

Từ sự khác biệt về mục đích, về tầm quan trọng của việc bảo hộ quyền tác giả của hai hệ thống pháp luật civil law và common law dẫn đến những sự khác biệt trong thực tiễn luật định của các quốc gia khi quy định về chuyển nhượng quyền tác giả.

Tại Anh – quốc gia tiêu biểu trong hệ thống common law xem quyền tác giả là quyền tài sản. Vì thế pháp luật của Anh thừa nhận chủ sở hữu của quyền tác giả có thể chuyển nhượng quyền này cho người khác giống như việc chuyển nhượng quyền đòi nợ. So với việc chuyển giao quyền sở hữu đối với các tài sản hữu hình chẳng hạn như căn nhà thì hệ quả của việc chuyển nhượng quyền tác giả có điểm tương đồng là bên chuyển nhượng không còn quyền sở hữu đối với đối tượng chuyển nhượng nữa. Ví dụ khi một tác giả sáng tác một bài thơ và tác giả đã thực hiện việc chuyển nhượng quyền xuất bản bài thơ này cho duy nhất một nhà xuất bản thì nhà thơ không còn quyền xuất bản bài thơ ở nơi khác nữa [6]. Tại Khoản 1, Điều 90 Luật bản quyền, kiểu dáng và sáng chế (CDPA) 1988 của Anh có quy định “bản quyền có thể chuyển

giao bằng cách chuyển nhượng (assignment), cấp giấy phép (license), bằng di chúc hoặc bằng các hành động khác của pháp luật như cách xử lý đối với tài sản cá nhân hoặc tài sản có thể di chuyển” [7]. Theo đó, chuyển nhượng bản quyền của Anh có hai hình thức là chuyển nhượng bản quyền tự động do thừa kế (khi tác giả qua đời thì người thừa kế theo di chúc hoặc người họ hàng ruột thịt theo pháp luật quy định sẽ nhận chuyển nhượng) và chuyển nhượng bản quyền chọn lọc (có nghĩa là chủ sở hữu quyền tác giả lựa chọn người nhận chuyển nhượng quyền tác giả như việc mua bán hoặc quà tặng). Việc chuyển nhượng này phải được lập thành văn bản do chính người chuyển nhượng lập mới có hiệu lực pháp lý. Khi chủ sở hữu thực hiện việc chuyển nhượng có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ các quyền độc quyền của mình. Ví dụ một tác giả có thể chuyển nhượng quyền sao chép tác phẩm cho một nhà xuất bản và chuyển nhượng quyền làm tác phẩm phái sinh tác phẩm cho công ty điện ảnh [8]. Luật của Anh cũng quy định rõ quyền nhân thân không được chuyển nhượng tuy nhiên tác giả có thể từ bỏ quyền nhân thân bằng một văn bản có chữ ký. Việc từ bỏ này như một sự ủng hộ và tạo điều kiện cho những người được cấp phép và người kế thừa có thể tiếp tục thực hiện việc mở rộng đối với tác phẩm.

Cùng truyền thống common law với Anh thì các quy định về chuyển nhượng bản quyền trong pháp luật của Hoa Kỳ cũng có nhiều điểm tương tự. Điều 17 Luật bản quyền Hoa Kỳ có quy định *“chuyển giao quyền sở hữu bản quyền là sự chuyển nhượng, thế chấp, giấy phép độc quyền hoặc bất kỳ sự chuyển tải, chuyển nhượng hoặc gả định nào khác về bản quyền hoặc bất kỳ quyền độc quyền nào có trong bản quyền, cho dù nó có bị giới hạn về thời gian hoặc địa điểm hay không có hiệu lực, nhưng không bao gồm giấy phép không độc quyền”* [9]. Điều luật này cũng quy định việc chuyển nhượng bản quyền phải được lập thành văn bản mới có hiệu lực (riêng việc cấp phép không độc quyền thì không cần phải lập văn bản). Theo luật Hoa Kỳ thì chủ thể thực hiện việc chuyển nhượng quyền tác giả có thể chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ. Chủ sở hữu của bất kỳ quyền độc quyền cụ thể nào, trong phạm vi của quyền đó, được hưởng tất cả các bảo vệ và các biện pháp khắc phục dành cho chủ sở hữu bản quyền. Luật cũng khẳng định việc chuyển giao phải do chủ sở hữu bản quyền tự nguyện thực hiện, việc chiếm đoạt, bắt buộc chuyển giao quyền sở hữu, xác lập quyền sở hữu đối với quyền độc quyền của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nào cũng không có hiệu lực.

Khác với các quốc gia theo truyền thống common law, các quốc gia theo truyền thống civil law với việc bảo vệ chủ yếu về quyền nhân thân của tác giả nên có những quy định chặt

chẽ hơn trong việc chuyển nhượng quyền tác giả. Mặc dù vậy, không phải tất cả các quốc gia theo truyền thống civil law đều quy định giống nhau về việc chuyển nhượng mà cơ bản có hai cách tiếp cận về mối quan hệ giữa quyền tài sản và quyền nhân thân của tác giả. Theo pháp luật của Pháp và một số quốc gia của hệ thống luật civil law quan niệm rằng quyền của tác giả trong một tác phẩm bao gồm hai yếu tố riêng biệt là quyền tài sản và quyền nhân thân. Tác giả có quyền tự do chuyển nhượng các quyền tài sản còn các quyền nhân thân không được chuyển giao. Cụ thể, tại Bộ luật Sở hữu trí tuệ của Pháp quy định “việc chuyển nhượng quyền tác giả phải tuân theo từng điều kiện của mỗi loại độc quyền trong từng lĩnh vực khai thác cụ thể, thỏa thuận chuyển quyền phải quy định rõ về phạm vi, mục đích, thời hạn, không gian...”; “tác giả có quyền chuyển giao một phần hoặc toàn bộ các quyền khai thác tác phẩm. Việc chuyển nhượng phải bao gồm thỏa thuận về khoản thù lao mà tác giả nhận được trong doanh thu của việc bán hoặc khai thác tác phẩm” [10]. Đối với quyền nhân thân, tại Điều L121-1, Luật sở hữu trí tuệ Pháp quy định “An author shall enjoy the right to respect for his name, his authorship and his work. This right shall attach to his person. It shall be perpetual, inalienable and imprescriptible. It may be transmitted mortis causa to the heirs of the author. Exercise may be conferred on another person under the provisions of a will” (Tạm dịch: Tác giả được hưởng quyền tôn trọng tên, quyền sở hữu và tác phẩm của mình. Các quyền này gắn bó mật thiết với tác giả, có tính vĩnh viễn không thể thay đổi được. Quyền nhân thân chỉ có thể chuyển giao lại cho người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật”. Việc chuyển giao này không gắn với lợi ích của cá nhân người thừa kế mà mục đích là tạo ra nghĩa vụ pháp lý cho người thừa kế khi họ phải bảo vệ các quyền và lợi ích của tác giả, bảo vệ các ký ức và quyền nhân thân cho tác giả [11].

Cách tiếp cận thứ hai là tại Đức, Áo và một số quốc gia theo trường phái luật dân sự khác thì cho rằng việc chuyển nhượng quyền tác giả hay từ bỏ quyền nhân thân là không được phép. Quyền tác giả được coi là một quyền không thể phân chia giữa quyền tài sản và quyền nhân thân vì hai quyền này gắn chặt với nhau như hai mặt của một vấn đề. Để khai thác các quyền kinh tế của quyền tác giả, các tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện việc cấp phép độc quyền hoặc không độc quyền. Hệ quả của việc cấp phép này là người được cấp phép có quyền khai thác sử dụng tác phẩm chứ không trở thành chủ sở hữu của quyền này [12, Tr. 246].

2. Quy định của pháp luật Việt Nam về chuyển nhượng quyền tác giả

Theo Điều 4, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi bổ sung 2009, 2019 và 2022 (gọi tắt là Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022) [13] quy định “quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân

đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng” đồng thời Điều 115, Bộ luật Dân sự năm 2015 [14] lại quy định “Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác”. Với các quy định này có thể thấy pháp luật Việt Nam ghi nhận bản chất của quyền tác giả cũng là một loại tài sản. Chính bản chất này của quyền tác giả nên chủ sở hữu quyền tác giả có quyền chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền sử dụng quyền tác giả cho người khác theo quy định của pháp luật.

Theo Luật sở hữu trí tuệ năm 2022 quy định “Chuyển nhượng quyền tác giả là việc chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan chuyển giao quyền sở hữu đối với các quyền quy định tại khoản 3 Điều 19, Điều 20 của Luật này cho tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan”. Điều 40 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 cũng có đề cập “Tổ chức, cá nhân được thừa kế quyền tác giả theo quy định của pháp luật về thừa kế là chủ sở hữu các quyền quy định tại Điều 20 và khoản 3 Điều 19 của Luật này”. Như vậy, có hai cách thức để chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện việc chuyển nhượng quyền tác giả là để lại thừa kế theo các quy định của pháp luật thừa kế (có thể để lại thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật) và chuyển nhượng quyền tác giả bằng hợp đồng. Cần lưu ý là cho dù để lại thừa kế hay hợp đồng thì việc chuyển nhượng quyền tác giả không phải chuyển giao toàn bộ cả quyền tài sản và quyền nhân thân của tác giả mà chỉ chuyển giao các quyền tài sản được quy định tại Điều 20 và quyền nhân thân gắn với tài sản quy định tại khoản 3 Điều 19. Cụ thể các quyền được chuyển nhượng bao gồm:

Thứ nhất, quyền công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm. Công bố là việc phát hành tác phẩm đến công chúng với số lượng bản sao hợp lý để đáp ứng nhu cầu của công chúng tùy theo bản chất của tác phẩm, do tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện hoặc do cá nhân, tổ chức khác thực hiện với sự đồng ý của tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả. Công bố tác phẩm không bao gồm việc trình diễn một tác phẩm sân khấu, điện ảnh, âm nhạc; đọc trước công chúng một tác phẩm văn học; phát sóng tác phẩm văn học, nghệ thuật; trưng bày tác phẩm tạo hình; xây dựng công trình từ tác phẩm kiến trúc [15]. Quyền công bố tác phẩm là đặc quyền của tác giả, chỉ có tác giả mới có quyền quyết định có công bố tác phẩm hay không; công bố như thế nào; tác giả sẽ tự mình công bố hay cho phép người khác công bố. Trên thực tế thì quyền công bố gắn với những lợi ích kinh tế nhất định nên thường tác giả cho phép chủ sở hữu quyền tác giả hay bên thứ ba như nhà xuất bản, công ty tổ chức sự kiện, người biểu diễn thực hiện việc công bố. Vì

vậy, quyền công bố tác phẩm được xem là quyền nhân thân gắn với tài sản và được phép chuyển nhượng.

Thứ hai, quyền làm tác phẩm phái sinh.

“Tác phẩm phái sinh là tác phẩm được sáng tạo trên cơ sở một hoặc nhiều tác phẩm đã có thông qua việc dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, phóng tác, biên soạn, chú giải, tuyển chọn, cải biên, chuyển thể nhạc và các chuyển thể khác”. Định nghĩa về tác phẩm phái sinh của Việt Nam có nét tương đồng với pháp luật của Mỹ [15], theo đó một tác phẩm được xem là phái sinh khi việc hình thành tác phẩm này dựa trên nền tảng của một hoặc nhiều tác phẩm đã có. Các hình thức hình thành có thể là dịch tác phẩm gốc sang ngôn ngữ khác; thể hiện bằng hình thức khác dựa trên nội dung tư tưởng của tác phẩm gốc (phóng tác); viết tác phẩm mới dựa vào việc tổng hợp thu thập, biên tập lại các tác phẩm đã có (biên soạn); giải thích, làm rõ một số nội dung trong tác phẩm gốc (chú giải); tập hợp, chọn lọc các tác phẩm đã có theo một tiêu chí nhất định (tuyển chọn); thay đổi hình thức thể hiện của tác phẩm (cải biên); thực hiện các bản remix – phối lại nhạc hay thực hiện các bản mashup – ghép các đoạn nhạc khác nhau (mashup) hoặc thực hiện các biến thể tác phẩm âm nhạc khác (chuyển thể nhạc). Trong định nghĩa về tác phẩm phái sinh như trên, pháp luật Việt Nam không đóng khung trong các hình thức tác phẩm phái sinh được liệt kê mà còn thừa nhận bao gồm các loại chuyển thể khác. Quy định này phù hợp với thực tiễn hiện nay vì với sự phát triển của khoa học công nghệ thì việc tạo ra các tác phẩm mới dựa trên các tác phẩm đã có rất đa dạng và phong phú. Có thể kể đến các chuyển thể khác của một tác phẩm như là việc sửa đổi một trang web, chuyển đổi một tác phẩm nhiếp ảnh sang bản vẽ hay nâng cấp một chương trình máy tính...

Quyền làm tác phẩm phái sinh là độc quyền của chủ sở hữu quyền tác giả. Khi chủ sở hữu quyền tác giả đã chuyển nhượng quyền làm tác phẩm phái sinh cho một chủ thể khác thì chủ sở hữu quyền tác giả của tác phẩm đó không còn quyền xác lập các giao dịch với các chủ thể khác liên quan đến quyền làm tác phẩm phái sinh đối với tác phẩm đó nữa.

Thứ ba, quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các bản ghi âm, ghi hình hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào tại địa điểm mà công chúng có thể tiếp cận được nhưng công chúng không thể tự do lựa chọn thời gian và từng phần tác phẩm.

Biểu diễn tác phẩm trước công chúng là việc trình bày, biểu đạt nội dung tác phẩm dưới một hình thức, phương tiện mang tính công cộng mà một số lượng người (không giới hạn bởi phạm vi mang tính riêng tư, cá nhân) có thể tiếp cận được. Việc biểu diễn này có thể tiến hành trực tiếp dưới sự chứng kiến của người nghe, người xem như ca sỹ trình bày bài hát trên sân

khẩu, diễn viên đóng vai trong một vở kịch; cũng có thể thực hiện gián tiếp thông qua các bản ghi âm, ghi hình, phát sóng trên ti vi hoặc trên các nền tảng mạng xã hội trực tuyến... Việc chuyển nhượng quyền biểu diễn tác phẩm là một cách thức để chủ sở hữu quyền tác giả có thể thu được những lợi ích kinh tế từ tác phẩm của mình đồng thời mang lại cơ hội cho việc tạo ra những giá trị thương mại hiệu quả hơn cho bên nhận chuyển nhượng.

Thứ tư, quyền sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, trừ trường hợp sao chép tác phẩm trong các trường hợp ngoại lệ; sao chép tạm thời theo một quy trình công nghệ, trong quá trình hoạt động của các thiết bị để truyền phát trong một mạng lưới giữa các bên thứ ba thông qua trung gian hoặc sử dụng hợp pháp tác phẩm, không có mục đích kinh tế độc lập và bản sao bị tự động xóa bỏ, không có khả năng phục hồi lại.

Quyền sao chép là quyền cơ bản gắn liền với sự ra đời của quyền tác giả, đây là quyền được pháp luật mọi quốc gia quy định. Định nghĩa về sao chép tác phẩm có nhiều cách tiếp cận, nhiều phạm vi khác nhau và cũng có nhiều thay đổi qua các thời kỳ do có sự tác động mạnh mẽ của công nghệ. Theo pháp luật Việt Nam hiện hành thì “*sao chép* là việc tạo ra bản sao của toàn bộ hoặc một phần tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào”. Định nghĩa này đã khái quát hóa bản chất của hoạt động sao chép là tạo ra bản sao còn cách thức nào để tạo ra thì pháp luật không liệt kê mà thừa nhận theo hướng mở bằng “bất kỳ phương tiện hay hình thức nào”. Vì vậy có thể hiểu quyền sao chép là quyền của chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc tạo ra một bản sao một cách trực tiếp hoặc gián tiếp với bất cứ hình thức nào từ các phương tiện cơ khí truyền thống như máy in, máy fax hoặc các hình thức khác như số hóa, truyền tải tệp tin trên máy tính cho đến các hình thức khác đã biết hoặc sẽ xuất hiện trong tương lai. Việc tạo bản sao tạm thời theo một quy trình công nghệ và tạo bản sao trong các trường hợp ngoại lệ không cấu thành quyền sao chép. Vì vậy, khi chủ sở hữu thực hiện việc chuyển nhượng quyền sao chép cho chủ thể khác, các bên không được thỏa thuận các trường hợp ngoại lệ mà Luật quy định tại Điều 25 như “tự sao chép một bản để nghiên cứu khoa học, học tập của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại” hay “sao chép hợp lý một phần tác phẩm bằng thiết bị sao chép để nghiên cứu khoa học, học tập của cá nhân và không nhằm mục đích thương mại”

Thứ năm, quyền phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao tác phẩm dưới dạng

hữu hình, trừ trường hợp phân phối lần tiếp theo, nhập khẩu để phân phối đối với bản gốc, bản sao tác phẩm đã được chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện hoặc cho phép thực hiện việc phân phối.

Phân phối là việc cung cấp sản phẩm đến với người sử dụng. So với các quyền sao chép, quyền biểu diễn hay làm tác phẩm phái sinh thì quyền phân phối không được thừa nhận rộng rãi và phổ biến trong pháp luật quyền tác giả của các nước trên thế giới. Theo pháp luật Việt Nam quyền phân phối của chủ sở hữu quyền tác giả là việc chủ sở hữu quyền tác giả có độc quyền tự mình hoặc cho phép chủ thể khác thực hiện việc chuyển giao quyền sở hữu thông qua bán, tặng cho hoặc các hình thức khác để đưa bản gốc, bản sao tác phẩm dưới dạng hữu hình đến với công chúng chẳng hạn như phân phối sách, phân phối tranh ảnh, đĩa CD, chương trình phát sóng... Việc phân phối và nhập khẩu này chỉ áp dụng cho lần đầu, nghĩa là chủ sở hữu quyền tác giả của tác phẩm không còn quyền can thiệp vào việc phân phối hoặc nhập khẩu cho việc chuyển nhượng ở các lần sau.

Thứ sáu, quyền phát sóng, truyền đạt đến công chúng tác phẩm bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác, bao gồm cả việc cung cấp tác phẩm đến công chúng theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn.

Quy định này trao cho chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc đưa tác phẩm đến với công chúng. Việc đưa tác phẩm này có thể diễn ra dưới hình thức phát sóng hoặc truyền đạt bằng các phương tiện truyền tín hiệu có dây (hữu tuyến), phương tiện không dây (vô tuyến); mạng thông tin điện tử hoặc các hình thức khác mà công chúng có thể tiếp cận được theo sự lựa chọn của họ.

Thứ bảy, quyền cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính, trừ trường hợp chương trình máy tính đó không phải là đối tượng chính của việc cho thuê.

Quy định này của pháp luật Việt Nam tương thích với quy định về quyền cho thuê bản gốc và bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính tại hiệp định Trips (Điều 11) và hiệp ước Wipo (điều 7). Đây được xem là trường hợp ngoại lệ của học thuyết cạn quyền (Exhaustion right) hay học thuyết bán hàng đầu tiên (Firs sale doctrine) vì chủ sở hữu quyền tác giả vẫn có quyền can thiệp khi đã chuyển giao quyền sở hữu tác phẩm điện ảnh hay chương trình máy tính cho chủ thể khác. Quyền cho thuê không áp dụng đối với các chương trình máy tính mà chương trình máy tính đó không phải là đối tượng thiết yếu của việc cho thuê. Ví dụ như A là chủ sở hữu quyền tác giả của phần mềm được cài đặt trên ô tô. Khi B cho C thuê ô tô trong đó

có phần mềm đã được mua từ A thì A không có quyền yêu cầu B phải xin phép hoặc thanh toán tiền bản quyền từ việc cho thuê ô tô.

Bên cạnh quy định về các quyền được phép chuyển nhượng thì khoản 2 điều 45 của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 cũng quy định rõ tác giả không được phép chuyển nhượng các quyền nhân thân trừ quyền công bố tác phẩm. Đối với các tác phẩm có đồng chủ sở hữu thì việc chuyển nhượng phải có sự thỏa thuận của tất cả các đồng chủ sở hữu, trong trường hợp nếu tác phẩm có các phần riêng biệt có thể tách ra sử dụng độc lập thì chủ sở hữu có quyền chuyển nhượng quyền tác giả đối với phần riêng biệt của mình cho tổ chức cá nhân khác.

Liên quan đến việc chuyển nhượng bằng hợp đồng thì pháp luật Việt Nam có yêu cầu hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả phải lập thành văn bản và bao gồm các nội dung như: (a) Tên và địa chỉ đầy đủ của bên chuyển nhượng và bên được chuyển nhượng; (b) Căn cứ chuyển nhượng; (c) Giá, phương thức thanh toán; (d) Quyền và nghĩa vụ của các bên; (đ) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

3. Những điểm tương đồng và khác biệt giữa pháp luật Việt Nam và một số nước trên thế giới về chuyển nhượng quyền tác giả

Từ việc phân tích một số quy định của các nước trên thế giới và Việt Nam về chuyển nhượng quyền tác giả có thể thấy một vài điểm tương đồng và khác biệt như sau:

Một là, pháp luật Việt Nam có cách tiếp cận tương đồng với pháp luật các nước Anh, Mỹ, Pháp khi xác định bản chất của quyền tác giả là tài sản nên được phép chuyển nhượng bằng thừa kế hoặc hợp đồng. Quy định này khác với luật của Đức và Áo là không được phép chuyển nhượng trừ trường hợp chuyển quyền theo thừa kế.

Hai là, mặc dù ngôn ngữ khác nhau nhưng hệ quả pháp lý về hoạt động chuyển nhượng quyền tác giả của các nước đều thống nhất ở việc bản chất của chuyển nhượng quyền tác giả là chuyển quyền sở hữu khác với cấp phép (license) là chỉ chuyển giao quyền sử dụng. Người nhận chuyển nhượng được phép xác lập quyền sở hữu với quyền được chuyển nhượng, được khai thác lợi ích, được nhân danh mình khi xử lý vi phạm của bên thứ ba.

Ba là, pháp luật Việt Nam có điểm tương đồng với hầu hết các nước (cả truyền thống civil law và common law) là không cho phép việc chuyển nhượng quyền nhân thân. Vì quyền

nhân thân gắn bó mật thiết với tác giả, trong trường hợp tác giả đã chuyển nhượng cho người khác thì tác giả vẫn giữ quyền nhân thân. Tuy nhiên, pháp luật Việt Nam có một trường hợp khác biệt hơn so với các nước là việc ghi nhận quyền công bố tác phẩm cũng là quyền nhân thân nhưng lại được phép chuyển giao. Lý giải cho quy định này là vì quyền công bố tác phẩm là quyền nhân thân nhưng là quyền nhân thân gắn với tài sản (việc thực hiện quyền này làm phát sinh các lợi ích kinh tế). Do đó pháp luật thừa nhận tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả có quyền chuyển nhượng để khai thác lợi ích kinh tế một cách hiệu quả nhất. Một điểm khác nữa trong pháp luật Việt Nam so với các nước theo truyền thống common law là không cho phép tác giả từ bỏ quyền nhân thân. Trong pháp luật Anh và một số nước thì mặc dù quyền nhân thân không được chuyển giao nhưng tác giả có thể từ bỏ bằng văn bản để bên nhận quyền có thể tự do sử dụng, khai thác tác phẩm một cách thuận lợi hơn không cần phải xin phép tác giả nữa.

Bốn là, về hình thức chuyển nhượng quyền tác giả thì pháp luật Việt Nam đều giống các nước khác là phải lập thành văn bản. Hình thức bằng văn bản của hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả giúp các bên xác định rõ hơn phạm vi chuyển giao, quyền và nghĩa vụ đồng thời cũng tạo một cơ sở pháp lý vững chắc để bảo vệ quyền và lợi ích của các bên chuyển nhượng trong quan hệ với bên thứ ba.

Năm là, so với các quy định về phạm vi chuyển nhượng quyền tác giả của các nước như Anh, Mỹ thì pháp luật Việt Nam chưa có quy định rõ ràng về việc tác giả có được phép chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ các quyền tác giả không. Trong định nghĩa về chuyển nhượng quyền tác giả tại Khoản 1, Điều 45 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2022 của Việt Nam chỉ sử dụng cụm từ “*chuyển giao quyền sở hữu đối với các quyền quy định tại Khoản 3 Điều 19, Điều 20, Khoản 3 Điều 29, Điều 30 và Điều 31 của Luật này*” mà không ghi rõ như Khoản 1, Điều 47 về phạm vi chuyển giao quyền sử dụng “*là cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng có thời hạn một, một số hoặc toàn bộ các quyền quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 19, Khoản 1 Điều 20, Khoản 3 Điều 29, Khoản 1 Điều 30 và Khoản 1 Điều 31 của Luật này*”. Ngoài ra, pháp luật Việt Nam cũng không đề cập đến việc khi chủ sở hữu quyền tác giả đã thực hiện việc chuyển nhượng quyền tác giả thì có quyền xác lập lại quyền sở hữu quyền tác giả không. Đây là những điểm mà pháp luật quyền tác giả của Việt Nam cần hoàn thiện để thực thi hiệu quả hơn.

Kết luận

Xuất phát từ sự khác nhau về lịch sử hình thành cũng như nền tảng học thuyết của việc bảo hộ quyền tác giả dẫn đến một vài điểm khác biệt trong hệ thống pháp luật civil law và

common law liên quan đến tính chuyển nhượng của quyền tác giả. Tuy nhiên, với sự ra đời của các công ước quốc tế về quyền tác giả thì khoảng cách khác biệt càng ngày càng được thu hẹp. Lịch sử pháp luật về quyền tác giả của Việt Nam ra đời muộn hơn rất nhiều so với các nước như Anh, Mỹ, Pháp, Đức nên đã kế thừa nhiều quy định phù hợp hơn với xu thế phát triển của quyền tác giả trong đó có vấn đề chuyển nhượng quyền tác giả. Mặc dù vậy, các quy định về vấn đề này của Việt Nam cũng cần điều chỉnh và bổ sung cụ thể hơn, rõ ràng hơn về phạm vi chuyển nhượng, về thù lao hay nguyên tắc giải thích hợp đồng chuyển nhượng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. WIPO, (2003), *Guide to the Copyright and Related Rights Treaties Administered published by the WIPO and Glossary of Copyright and Related Rights Terms*, WIPO publishing, p. 314.
2. Rahmatian, Andreas, (2000), *Non-Assignability of Authors' Rights in Austria and Germany and its Relation to the Concept of Creativity in Civil Law Jurisdiction Generally: A Comparison with U.K. Copyright Law*, *Entertainment Law Review*, (no.5), p. 95.
3. Lyman Ray Panteson, (1968), *Copyright in historical perspective*, Vanderbilt University Press, p. 30.
4. Stina Teilmann-Lock, (2009), *British and French Copyright A Historical Study of Aesthetic Implications*, DJØF Publishing Copenhagen, p. 45, truy cập tại địa chỉ: https://ubva.dk/wp-content/uploads/2020/01/british_and_french_copyright.pdf, truy cập lúc 5h00 ngày 28/8/2022.
5. Andre Fraçon, (1991), *Authors' Rights beyond Frontiers: A Comparison of Civil Law and Common Law Conceptions*, RIDA, No. 149, p. 2 trích lại từ Muriel Josselin, (1992), *The concept of the contract for the exploitation of author's rights: a comparative-law approach*, Copyright Bullerin, Book and Copyright Division, UNESCO, Vol. XXVI, (No. 4), p. 11.

6. Andreas Rahmatian, (2000), *Non-assignability of authors' rights in Austria and Germany and its relation to the concept of creativity in civil law jurisdictions generally: a comparison with U.K. copyright law*, Entertainment Law Review, 11(5), p. 98.
7. Xem Luật bản quyền, kiểu dáng và sáng chế (CDPA) 1988 của Anh, truy cập tại địa chỉ: <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/1988/48/contents>, truy cập lúc 17h ngày 01/7/2022.
8. UK intellectual Property Office, (2014), *Copyright Notice: Assignment of copyright*, truy cập tại địa chỉ: https://assets.publishing.service.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/379040/c-notice-201402.pdf, truy cập ngày 04/7/2022.
9. Copyright Law of the United States (Title 17) and Related Laws Contained in Title 17 of the United States Code, truy cập tại địa chỉ: <https://www.copyright.gov/title17/>, truy cập lúc 10h ngày 10/6/2022.
10. Bộ luật sở hữu trí tuệ Pháp năm 1994, truy cập tại địa chỉ: https://www.legifrance.gouv.fr/codes/section_lc/LEGITEXT000006069414/LEGISCTA00006146349/#LEGISCTA000006146349, truy cập lúc 21h ngày 22/3/2022.
11. Vienna Law Review (VLR), (2019), Vol. 3, pp. 1–41, Available at SSRN: <https://ssrn.com/abstract=3795341>
12. Paul Goldstein P. Bernt Hugenholtz, (2019), *International Copyright Principles, Law, and Practice*, Oxford University Press, p. 246.
13. Quốc hội nước CHXHCNVN, (2022), Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019, 2022.
14. Quốc hội nước CHXHCNVN, (2015), Bộ luật Dân sự năm 2015.
15. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam, (2018), Nghị định 22/2018/NĐ-CP, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 về quyền tác giả, quyền liên quan.